

Số: 3012 /QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển nghiên cứu sinh Khóa 22
(Đợt 1 năm 2016)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 24 tháng 07 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT/BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT/BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ (ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT/BGDĐT);

Căn cứ Quyết định số 1287/QĐ-ĐHLHN-SĐH ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy định chi tiết về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo tiến sĩ;

Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển nghiên cứu sinh khóa 22 đợt 1 năm 2016 đã được Hội đồng tuyển sinh sau đại học đợt 1 năm 2016 thông qua;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Khoa Đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển nghiên cứu sinh Khóa 22 (đợt 1/2016) của Trường Đại học Luật Hà Nội bao gồm 23 người có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trưởng khoa Khoa Đào tạo sau đại học, trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 24/2

- Như Điều 2;
- Phó Hiệu trưởng phụ trách ĐTSĐH (để chỉ đạo thực hiện);
- Các Phó HT (để biết);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.



Lê Tiến Châu

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH LUẬT ĐỢT 1 KHÓA 22 LỚP A
(NIÊN KHÓA: 2016-2020)

(Kèm theo Quyết định số 3012/QĐ-ĐHLHN ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Số TT	Họ và tên thí sinh, ngày sinh, giới tính, nghề nghiệp, nơi làm việc	Bằng tốt nghiệp đại học			Bằng Thạc sĩ		Số năm kinh nghiệm công tác	Kết quả đánh giá				Các điểm khác	Tổng điểm xét tuyển	Mã số và tên chuyên ngành đào tạo NCS Số năm đào tạo
		Ngành ĐT	Hệ ĐT	Năm TN Loại TN	Chuyên ngành	Điểm TBC các môn học		Bài luận dự định nghiên cứu	Thư giới thiệu	Ngoại ngữ (tiếng?, chứng chỉ?, điểm số)	Công trình đã công bố			
1	Phạm Vĩnh Hà 12/12/1988, Nữ Đại học Luật Hà Nội	Luật	Chính quy	2010 Giỏi	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	8.21	2011	45,8	Được chấp nhận	IEL 6.0	8,5	25	79,3	Lý luận & LSNN&PL. MS 62380101 (04 năm)
2	Lý Nam Hải 06/09/1987, Nam Trường Đại học Luật – Đại học Huế	Luật	Chính quy bằng thứ hai	2012 Khá	Luật kinh tế	7.81	2009	45.4	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	12	19	76.4	Lý luận & LSNN&PL. MS 62380101 (04 năm)
3	Mai Diệu Thúy 24/10/1980, Nữ Trường Đại học Luật – Đại học Huế	Luật học	Chính quy	2002 Khá	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.92	2002	46	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	7	17	70	Lý luận & LSNN&PL. MS 62380101 (04 năm)
4	Bùi Huy Toàn 10/08/1979, Nam Trường trung cấp Luật Tây Bắc	Luật TP&HC NN	Chính quy	2003 TB. Khá	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	7.45	2004	46.0	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	8	13	67	Lý luận & LSNN&PL. MS 62380101 (04 năm)
5	Bùi Thuận Ánh 20/09/1986, Nữ	Luật	Chính	2009	Lý luận và lịch sử nhà	3.21(Kết quả được	2010	45.0	Được chấp	Cấp độ B1 Khung	7	17	69	Luật Hiến pháp và Luật

	Trường Đại học Luật – Đại học Huế				nước và pháp luật	quy đổi từ điểm chữ sang điểm số)			nhận	Khung Châu Âu chung				Hành chính. MS 62380102 (04 năm)
6	Ngô Linh Ngọc 30/07/1986, Nữ Trường ĐH Luật HN	Luật	Chính quy	2009 Khá	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	3.1 (Kết quả được quy đổi từ điểm chữ sang điểm số)	2010	40.8	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	5	17	62.8	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. MS 62380102 (04 năm)
7	Nguyễn Thị Nữ 14/07/1986, Trường Đại học Luật – Đại học Huế	Luật	Chính quy	2009 Giỏi	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	3.26 (Kết quả được quy đổi từ điểm chữ sang điểm số)	2009	35.8	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	6	20	61.8	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. MS 62380102 (04 năm)
8	Nguyễn Thu Thảo 07/12/1987, Nữ Học viện An Ninh nhân dân	Luật	Chính quy	2009 Khá	Luật Hiến pháp và luật hành chính	6.44	2009	36.6	Được chấp nhận	Cử nhân tiếng Anh	6	22	64.6	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. MS 62380102 (04 năm)
9	Chu Thị Lam Giang 06/02/1985, Nữ Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	Chính quy	2008 Khá	Luật Hình sự và tổ tụng hình sự	2.55 (Kết quả được quy đổi từ điểm chữ sang điểm số)	2009	46	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	9.5	17	72.5	Luật Dân sự & TTDS MS 62380103 (04 năm)
10	Bùi Thị Hà 01/05/1980, Nữ Học Viện Tư Pháp	Luật	Chính quy	2002 Khá	Luật Hình sự và tổ tụng hình sự	6.99	2002	35	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	6.7	13	55.9	Luật Dân sự & TTDS MS 62380103 (04 năm)
11	Trần Thị Thùy Liên 03/07/1984, Nữ Công ty Luật TNHH một thành viên Duyên	Luật	Chính quy	2006 Khá	Luật Dân sự và tổ tụng dân sự	2.3 (Kết quả được quy đổi từ điểm chữ sang	2014	40.4	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu	0	13	53.4	Luật Dân sự & TTDS MS 62380103 (04 năm)

ĐP

	Hải					điểm số)				chung				
12	Nguyễn Thị An Na 04/11/1983, Nữ Học Viện Tư Pháp	Luật	Chính quy	2007 Khá	Luật Kinh tế	7.70	2008	45	Được chấp nhận	Cử nhân tiếng Anh	13.5	19	77.5	Luật Dân sự &TTDS MS 62380103 (04 năm)
13	Lại Thị Bích Ngà 02/01/1977, Nữ Học Viện Tư Pháp	Luật	Chính quy	1999 TB Khá	Luật Kinh tế	7.6	2009	39	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	25	13	77	Luật Dân sự &TTDS MS 62380103 (04 năm)
14	Trần Đức Thành 09/09/1974, Nam Trường ĐH Kiểm Sát	Luật	Chuyên tu	2000 TB	Luật Dân sự và tổ tụng dân sự	6.95	1994	40.0	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	4	9	53	Luật Dân sự &TTDS MS 62380103 (04 năm)
15	Nguyễn Sơn Tùng 14/10/1987, Nam Trường ĐH Luật HN	Luật	Chính quy	2009 Khá	Luật Dân sự và tổ tụng dân sự	8.22	2012	45	Được chấp nhận	TOEIC 830	10	22	77	Luật Dân sự &TTDS MS 62380103 (04 năm)
16	Nguyễn Thị Diễm Anh 21/04/1979, Nữ Trường Đại học Công Đoàn	Luật	Chính quy	2001 Khá	Luật Quốc tế	2.35 (Kết quả được quy đổi từ điểm chữ sang điểm số)	2002	35	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	2	17	54	Luật Kinh tế. MS 62380107 (04 năm)
17	Trần Thị Thanh Huyền 14/09/1986, Nữ Học viện Phụ nữ Việt Nam	Luật	Chính quy	2008 Khá	Luật Kinh tế	7.2	2008	35.4	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	2	17	54.4	Luật Kinh tế. MS 62380107 (04 năm)
18	Mai Xuân Hợi 18/03/1982, Nam Trường Đại học Luật – Đại học Huế	Luật	Chính quy	2011 Giỏi	Luật Kinh tế	8.35	2013	30.6	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	10	25	65.6	Luật Kinh tế. MS 62380107 (04 năm)

mei

19	Đỗ Kiều Phương 30/05/1980, Nữ Học viện tài chính	Luật	Chính quy	2002 Khá	Luật Kinh tế	7.17	2004	34.4	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	4	17	55.4	Luật Kinh tế. MS 62380107 (04 năm)
20	Hà Thị Hoa Phương 02/10/1988, Nữ Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	Chính quy	2010 Giỏi	Luật Kinh tế	7.97	2012	40	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	9	20	69	Luật Kinh tế. MS 62380107 (04 năm)
21	Mai Đức Thiện 14/05/1978, Nam Thí sinh tự do	Luật	Chính quy	2000 TB	Luật Kinh tế	7.09		35.2	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	10	10	55.2	Luật Kinh tế. MS 62380107 (04 năm)
22	Trần Mai Vân 30/04/1976, Nam Trường Đại học Y Hà nội	Luật	Chính quy	1999 Khá	Luật Kinh tế	3.21 (Kết quả được quy đổi từ điểm chữ sang điểm số)	2010	35.6	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	0	20	55.6	Luật Kinh tế. MS 62380107 (04 năm)
23	Nguyễn Văn Hưng 16/06/1975, Nam Bộ Tài nguyên và môi trường	Luật	Chính quy	1999 Khá	Luật Quốc tế	7.75	1999	43.8	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	6	13	62.8	Luật Quốc tế. MS 62380108 (04 năm)

Danh sách có 23 (hai mươi ba) người. *mk*

HIỆU TRƯỞNG

Phan

Lê Tiến Châu